TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2021/QĐCN-HNGĐ	*Trà Cú, ngày 30 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ

Thẩm phán ra quyết đinh: Ông Lê Hoàng Phúc

Các bên tham gia hòa giải:

- Người khởi kiện: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người bị kiện: Ông Trầm Xuân T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG HÒA GIẢI THÀNH:

Theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 12 tháng 11 năm 2021, bà Ngô Thị N và anh Trầm Xuân T đã thống nhất thỏa thuận toàn bộ nội dung về việc "Yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung".

Căn cứ hồ sơ thụ lý số 03/2021/TLHG-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021;

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản và tài liệu kèm theo từ Hòa giải viên chuyển đến, không có bên nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

- Bà Ngô Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Trầm Xuân T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị N và ông Trầm Xuân T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con tên Trầm Trúc M, sinh ngày 04/12/2011 và Trầm Xuân B, sinh ngày 01/4/2013, hiện hai cháu đang ở với bà N. Bà N và ông T thỏa thuận giao con cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng (đây cũng là nguyện vọng của cháu M và cháu B), bà N tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng con, ông Trầm Xuân T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm hay cản trở, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Gồm 01 căn nhà trên thửa đất số 1652, tờ bản đồ số 05, diện tích 315m^2; 11 phòng trọ trên thửa đất 1650, tờ bản đồ số 05, diện tích 404m^2, hai thửa đất này cùng tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; thửa đất 2113, tờ bản đồ số 08, diện tích 254m^2, tọa lạc tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (các thửa đất nêu trên do ông T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, biển số đăng ký 84G1-194.81, dung tích 152 do ông T đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, các tài sản này hiện nay đều do ông T quản lý, các bên tự thỏa thuận có giá trị là 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng. Bà N và ông T thỏa thuận thống nhất giao cho ông T được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ số tài sản nêu trên, ông T có trách nhiệm giao cho bà N ½ giá trị tài sản nêu trên bằng 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng (các bên đã giao, nhận tiền xong).

- Về nợ chung: Các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chi phí hòa giải: Các bên không phải chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND huyện Trà Cú;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Hoàng Phúc